TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 372/2017/HS-PT
Ngày 24 - 7 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Mười

Ông Huỳnh Công Lý

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Đặng Như Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 07 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 239/2017/HSST ngày 19/05/2017 do có kháng cáo của bị cáo Lý Ái V, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HSST ngày 05/04/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Lý Ái V (Lý Quốc T); sinh năm 1978 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 78/24 đường Trần P, phường Xuân A, thị xã Long K, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Phiên dịch tiếng Hoa; Con ông Lý Cẩm B, sinh năm 1944 và bà Sou A M, sinh năm 1956; Gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ hai; Có vợ là Phạm Thị Diễm H, sinh năm 1980, có 02 con chung, sinh năm 2006 và năm 2009; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt ngày 02/7/2015 (có mặt).

Nguyên đơn dân sự: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Y.
Địa chỉ: Khu Công nghiệp T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Tổ 7, ấp L, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt).
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn dân sự: Luật sư Phạm Văn V – Công ty luật trách nhiệm hữu hạn T (có mặt).

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Xuân T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 764, tổ 12, ấp L, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

3. Bà Phạm Thị Diễm H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 78/24 đường T, phường X, thị xã Long K, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

4. Ông Chí Chắn B, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

5. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Khu công nghiệp T.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Xuân N – Chức vụ: Phó giám đốc (có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai và Bản án hình sự sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lý Ái V (Lý Quốc T), là nhân viên phụ trách hành chính, công nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Y (gọi tắt là Công ty Y) tại ấp Long Khánh 1, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai, do ông H (H) làm Tổng giám đốc.

Ngày 19/6/2015, ông Hứa Chính H là tổng giám đốc của Công ty Y giao trách nhiệm cho ông Trần Văn T (là giám sát công trình của công ty) có trách nhiệm nhận và chuyển số tiền của Công ty U (công ty mẹ) cho thầu phụ là Công ty TNHH H. Sáng ngày 26/6/2015, Công ty U điện thoại cho Lý Ái V (nhân viên phiên dịch của Công ty Y) thông báo về việc chuyển tiền như sau: ngày 26/6/2015 chuyển số tiền 1.186.000.000đ và ngày 29/6/2015 chuyển tiếp số tiền 2.600.000.000đ cho Công ty Y. Ngày 29/6/2015, sau khi nhận được lệnh chuyển tiền, ông Tuấn giao cho bà Nguyễn Thị Thu H (Thư ký của công ty) 02 tờ giấy ủy nhiệm chi (đã ký tên và đóng dấu) để làm thủ tục chuyển số tiền trên cho Công ty TNHH H như kế hoạch. Do trước đó Lý Ái V làm ăn thua lỗ và nợ tiền, nên khi nắm được thông tin và lịch trình chuyển tiền từ Công ty U nên V nảy sinh ý định tìm cách chiếm đoạt số tiền trên. Để thực hiện ý định chiếm đoạt tiền, V lợi dụng quan hệ quen biết với ông Chí Chắn B là Giám đốc Công ty TNHH thương mại dịch vụ và xây dựng T (gọi tắt là Công ty T), có trụ sở tại ấp T, xã C, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để dùng danh nghĩa Công ty T nhận số tiền của Công ty Y.

Khoảng 12 giờ ngày 29/06/2015, V đến công ty phát hiện tại bàn của chị Nguyễn Thị Thu H có 02 tờ giấy Ủy nhiệm chi do Tổng Giám đốc ký tên đóng dấu (chưa ghi thông tin bên thụ hưởng) nên V đã lén lút lấy trộm cả 02 tờ giấy Ủy nhiệm chi. Sau đó V đem về và tự điền vào 02 giấy ủy nhiệm chi thông tin hai khoản tiền mà Công ty U chuyển cho Công ty Y là 1.186.000.000đ và 2.600.000.000đ để ghi vào mục đơn vị thụ hưởng là Công ty T và điền số tài

khoản của hai Công ty. V mua 02 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty T để sử dụng vào việc hợp thức hóa thủ tục chuyển khoản.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 30/06/2015, V đến Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh T yêu cầu chuyển số tiền 1.186.000.000 đồng theo giấy ủy nhiệm chi. Sau khi làm thủ tục chuyển tiền xong, V gọi điện báo cho ông Chí Chắn B biết đã chuyển số tiền nêu trên vào tài khoản của Công ty T và kêu ông B đến ngân hàng làm thủ tục rút tiền giao cho V. Sau đó, V cùng với Hoàng Xuân T đi đến Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đến nơi, V thấy ông B đứng chờ sẵn, V cùng ông B vào ngân hàng và ông B rút số tiền 1.180.000.000đ (Một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng) đưa cho V. Lấy tiền xong V và T về nhà T ở thành phố B. Đến 14 giờ 44 phút cùng ngày, V tiếp tục làm thủ tục chuyển khoản theo giấy Ủy nhiệm chi thứ hai số tiền 2.600.000.000đ. Sau khi làm thủ tục chuyển tiền thì V cùng T và Phạm Văn K (bạn T là người lái xe) đến Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh T. Khi đến nơi, V và B vào ngân hàng làm thủ tục rút tiền, ông B rút số tiền là 2.290.000.000đ (Hai tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng) đưa cho V. B giữ lại số tiền hóa đơn là 316.000.000đ (Ba trăm mười sáu triệu đồng). Khi nhận được số tiền này, V đem trả nợ cho Trần Xuân T 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng), trả cho ông Vương V người Trung Quốc (chưa rõ nhân thân, lai lịch) số tiền 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng), V đưa cho Phạm Thị Diễm H (vợ V) số tiền 300.000.000 đ (Ba trăm triệu đồng), số tiền còn lại V dùng để tiêu xài.

Vào ngày 02/7/2015, Lý Ái V bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai bắt giữ.

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Samsung modle GT-E 1200Y, màu đen bên trong mang thẻ sim số thuê bao 0942 446655 thu giữ của Lý Ái V (Bút lục số 74); Số tiền: 170.200.000 (Một trăm bảy mươi triệu hai trăm nghìn đồng) (Bút lục 265-277); 01 Ủy nhiệm chi của Công ty Y số tiền 2.600.000.000 (hai tỷ sáu trăm triệu đồng); 01 Ủy nhiệm chi của Công ty Y số tiền 1.186.000.000 (một tỷ một trăm tám mươi sáu triệu đồng); 01 Hóa đơn giá trị gia tăng số 83 lập ngày 27/6/2015 của Công ty T; 01 Hóa đơn giá trị gia tăng số 84 lập ngày 27/6/2015 của Công ty T. Lưu giữ tại hồ sơ bút lục số 62 -65)

Về số tiền đã thu hồi: Chí Chắn B giao nộp: 310.000.000 đ (Ba trăm mười triệu đồng); Phạm Thị Diễm H giao nộp: 300.000.000 đ (Ba trăm triệu đồng); Lý Ái V giao nộp: 10.200.000 đ (Mười triệu hai trăm nghìn đồng); Hoàng Xuân T giao nộp: 150.000.000 đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho Công ty Y số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Hiện còn lại số tiền 170.200.000đ (Một trăm bảy mươi triệu hai trăm nghìn đồng). Cơ quan điều tra đã thu giữ và chuyển cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Quá trình điều tra ban đầu Lý Ái V khai việc chiếm đoạt tiền của Công ty Y do một mình V thực hiện, sau đó V thay đổi lời khai và xác định có sự tham gia giúp sức của Hoàng Xuân T và Nguyễn Thị Thu H. Do V nợ tiền của T không có khả năng trả nên V cùng T và H đã bàn bạc sử dụng 02 giấy ủy nhiệm

chi để chiếm đoạt tiền của Công ty Y lấy tiền trả nợ trong đó H là người báo và đưa cho V 02 giấy ủy nhiệm chi. T là người chở V đi rút tiền. Số tiền chiếm đoạt của Công ty Y, V đưa cho T 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) trong đó có 200.000.000 đồng, V nhờ T đưa cho H.

Tuy nhiên, khi Cơ quan điều tra làm việc với Hoàng Xuân T, Nguyễn Thị Thu H và tiến hành đối chất thì T và H không thừa nhận có việc bàn bạc lấy, đưa ủy nhiệm chi và nhận tiền của V như V đã khai nhưng T có thừa nhận cho V vay tiền rất nhiều lần, tính đến ngày 04/4/2015 V nợ T 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng), nên ngày 30/6/2015, V nhờ T chở V đến ngân hàng lấy tiền để trả nợ cho T và sau khi lấy được tiền V đã trả 900.000.000 đồng cho T. Anh Phạm Văn K khai do T bị bệnh nên đã giúp T điều khiển xe ô tô chở T và bạn của T (V) đến huyện Tân Thành, Bà Rịa -Vũng Tàu. Anh K không nhìn thấy V giao tiền cho T và không biết việc bàn bạc trao đổi giữa T và V liên quan đến vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HSST ngày 05/04/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lý Ái V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 138; điểm b, p, khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lý Ái V (Lý Quốc T) 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/7/2015.

Về dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự

Buộc bị cáo Lý Ái V và những người liên quan phải trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Y (VN) tổng số tiền là: 3.015.800.000 (Ba tỷ không trăm mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng). Trong đó bị cáo Lý Ái V phải bồi thường số tiền 2.259.800.000đ (Hai tỷ hai trăm năm mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng), ông Hoàng Xuân T phải trả lại số tiền 750.000.000đ (Bảy trăm năm mươi triệu), ông Chí Chắn B phải trả lại số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định.

Ngày 18/04/2017, người đại diện của nguyên đơn dân sự Công ty Y kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 20/04/2017, bị cáo Lý Ái V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Cùng ngày, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Xuân T kháng cáo không đồng ý trả lại số tiền 750.000.000 đồng cho Công ty Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lý Ái V thừa nhận hành vi dùng 02 ủy nhiệm chi của Công ty Y chiếm đoạt số tiền 3.786.000.000 đồng, nhưng bị cáo không phải là người trực tiếp lấy trộm 02 ủy nhiệm chi mà do Nguyễn Thị Thu H và Hoàng Xuân T đưa. Do đó, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm của H và T, đồng thời đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự đề nghị xem xét trách nhiệm của Nguyễn Thị Thu H và Hoàng Xuân T cũng như của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Khu công nghiệp T (Ngân hàng Agribank – Chi nhánh T).

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan Ông Hoàng Xuân T không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm buộc ông phải trả lại cho Công ty Y 750.000.000 đồng vì đây là số tiền công ty trả nợ và ông không biết là tiền bị cáo trộm cắp mà có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tóm tắt nội dung vụ án và đề nghị:

Đối với kháng cáo của bị cáo V, tuy bị cáo không thừa nhận hành vi lấy trộm 02 ủy nhiệm chi của Công ty Y nhưng thừa nhận đã dùng 02 ủy nhiệm chi này bàn bạc cùng với Chí Chắn B lấy danh nghĩa của Công ty T để ra Ngân hàng rút và chiếm đoạt 3.786.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điểm a Khoản 4 Điều 138 Bộ luật hình sự để xét xử và xử phạt bị cáo 15 năm tù là phù hợp, không nặng.

Kháng cáo của Công ty Y đề nghị xem xét trách nhiệm của Nguyễn Thị Thu H và Hoàng Xuân T cũng như Ngân hàng Agribank – Chi nhánh T. Xét, trong quá trình xét xử sơ thẩm đã trả hồ sơ yêu cầu làm rõ vai trò của H và T nhưng Viện kiểm sát sơ thẩm cho rằng không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự nên tại giai đoạn phúc thẩm tiếp tục kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tiếp tục làm rõ hành vi của H và T.

Kháng cáo của ông Hoàng Xuân T không chấp nhận nộp lại số tiền 750.000.000 đồng đã nhận của bị cáo Lý Ái V, do đây là tiền bị cáo V phạm tội mà có nên buộc ông T phải nộp lại là có căn cứ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, Công ty Y và ông Hoàng Xuân T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn dân sự không thống nhất với tội danh cũng như điều luật Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo và quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại bởi lẽ: Công ty Y chưa bao giờ ký hợp đồng mua bán với Công ty T nên không có việc xuất hóa đơn và chuyển tiền cho Công ty T, do bị cáo đã làm nhiều thủ đoạn để chiếm đoạt tiền của Công ty, đây là dấu hiệu cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" chứ không cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 104 Bộ luật tố tụng hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự những người đã đồng phạm với bị cáo là ông Hoàng Xuân T và bà Nguyễn Thị Thu H và đề nghị xem xét trách nhiệm của Ngân hàng Agribank – Chi nhánh T khi đã thiếu trách nhiệm để cho Chí Chắn B rút tiền của Công ty Y giao cho Lý Ái V.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý

kiến của kiểm sát viên, bị cáo, luật sư, nguyên đơn dân sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

XÉT THẤY:

Lý Ái V là nhân viên phiên dịch được giao thêm phụ trách hành chính, công nợ của Công ty Y, do làm ăn thua lỗ và lâm vào cảnh nợ nần (trong đó có nợ Hoàng Xuân T) nên khi nắm được thông tin và lịch trình chuyển tiền của Công ty U cho Công ty Y để chuyển tiếp cho các nhà thầu phụ (Công ty H), Lý Ái V nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 3.786.000.000 đồng của Công ty Y để trả nợ. Để thực hiện ý định của mình, Lý Ái V khai cùng Hoàng Xuân T và Nguyễn Thị Thu H (kế toán công ty) đã bàn bạc với nhau lấy 02 tờ ủy nhiệm chi chưa ghi nội dung nhưng đã được ký tên và đóng dấu do Nguyễn Thị Thu H đang quản lý đưa cho V (đang nghỉ phép). Đồng thời, V bàn bạc với ông Chí Chắn B là Giám đốc Công ty T để dùng danh nghĩa công ty lập 02 hợp đồng khống với Công ty Y và xuất cho Công ty Y 02 hóa đơn giá trị gia tăng để nhằm hợp thức hóa việc nhận số tiền 3.786.000.000 đồng thông qua 02 ủy nhiệm chi của Công ty Y. Ngày 30/6/2015, V cùng Hoàng Xuân T đến Ngân hàng Agribank – Chi nhánh T làm thủ tục chuyển số tiền lần lượt là 1.186.000.000 đồng và 2.600.000.000 đồng cho Công ty T tổng cộng là 3.786.000.000 đồng. Ngày 30/6/2015, ông B đã nhận và giao lại cho V toàn bộ số tiền trên sau khi đã trừ đi số tiền 316.000.000 đồng như thỏa thuận.

Xét, sau khi bị cáo biết việc Công ty Y chuẩn bị xuất 02 ủy nhiệm chi chuyển tiền cho công ty khác, do nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này nên bị cáo V khai cùng với những người khác bàn bạc thực hiện một chuỗi các hành vi gian dối như: Bàn bạc cùng với Chí Chắn B – Giám đốc Công ty T dùng danh nghĩa Công ty T ký hợp đồng khống với Công ty Y và xuất hóa đơn GTGT khống để hợp thức hóa hợp đồng cũng như thủ tục rút tiền. Sau đó, bị cáo đã dùng 02 ủy nhiệm chi đã ký tên, đóng dấu nhưng chưa ghi nội dung do Nguyễn Thị Thu H đang quản lý, tự điền thông tin của Công ty T vào ủy nhiệm chi để Chí Chắn B dùng 02 ủy nhiệm chi này rút tiền và chiếm đoạt của Công ty Y tổng số tiền là 3.786.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo có dấu hiệu của một tội phạm khác chứ không phải tội "Trộm cắp tài sản" như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Theo kết luận điều tra cũng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai thì sau khi thấy 02 ủy nhiệm chi trên bàn của Nguyễn Thị Thu H, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của công ty nên đã lấy trộm 02 ủy nhiệm chi này. Nhưng theo lời khai của bị cáo cũng như của những người làm chứng thì vào ngày 29/9/2016 và 30/9/2016 bị cáo không tới công ty làm việc. Vậy bị cáo đã trộm cắp 02 ủy nhiệm chi này như thế nào? Lời khai đó của bị cáo và người làm chứng có đúng hay không? Liệu có hay không việc có người khác đưa ủy nhiệm chi cho bị cáo? Trong phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm bị cáo luôn nại ra rằng chính Hoàng Xuân T là người chở bị cáo tới nhà Nguyễn Thị Thu H để lấy 02 ủy nhiệm chi, đồng thời T cũng là người chở bị cáo gặp Chí Chắn B để lấy tiền.

Đồng thời, sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, nguyên đơn dân sự đã nộp bản kê chi tiết các lần truy cập vào tài khoản của Công ty Y để theo dõi việc chuyển tiền. Vậy bị cáo có phải người truy cập vào tài khoản này để theo dõi việc chuyển tiền hay là một người khác? Nếu là bị cáo thì bằng cách nào bị cáo có thông tin tài khoản để đăng nhập vào? Đây là những tình tiết mới cần được điều tra làm rõ.

Vụ án còn nhiều vấn đề cần làm rõ như xác định lại về tội danh cũng như điều tra các tình tiết mới mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn dân sự hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cấp sơ thẩm để điều tra lại.

Do Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm nên không xem xét kháng cáo của bị cáo, người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Xuân T.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền và nghĩa vụ liên quan kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Hủy toàn bộ Bán án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HSST ngày 05/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai để điều tra lại vụ án.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Lý Ái V (Lý Quốc T) cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai thụ lý lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- TTG CA tỉnh Đồng Nai (1); (T/đ cho bị cáo) (1);
- NĐDS (1);
- NLQ (5);
- Lưu (3). HS (2) 20b (án 36).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hòa Hiệp